



# Kinh tế chính trị Mác Lenin trắc nghiệm (có đáp án)

Xã hội học đại cương (Trường Đại học Văn Lang)

# CHƯƠNG 2 HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

## 1. Sản xuất hàng hóa là gì?

- a. Là sản xuất ra sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của người khác thông qua trao đổi, mua bán
- b. Là sản xuất ra sản phẩm có ích cho mọi người
- c. Là sản xuất ra sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu cho người sản xuất
- d. Là sản xuất ra sản phẩm có giá trị sử dụng cao

## 2. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hóa gồm:

- a. Xuất hiện giai cấp tư sản
- b. Có sự tách biệt tuyệt đối về kinh tế giữa những người sản xuất
- c. Có sự phân công lao động xã hội và có sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa các chủ thể sản xuất
- d. Xuất hiện chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

## 3. Hàng hóa là gì?

- a. Là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn những nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán
- b. Là những sản phẩm có thể thỏa mãn được nhu cầu nhất định nào đó của con người
- c. Là mọi sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người
- d. Là sản phẩm của lao động, thỏa mãn những nhu cầu của người làm ra nó

## 4. Giá trị của hàng hóa được xác định bởi yếu tố nào sau đây?

- a. Sự khan hiếm của hàng hóa.
- b. Sự hao phí sức lao động của con người nói chung.
- c. Lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hoá ấy.
- d. Công dụng hàng hóa.

## 5. Giá trị hàng hóa được tạo ra từ khâu nào?

- a. Từ sản xuất hàng hóa.
- b. Từ phân phối hàng hóa.
- c. Từ trao đổi hàng hóa.
- d. Cả sản xuất, phân phối và trao đổi hàng hóa

## 6. Lao động trừu tượng là gì?

- a. Là lao động không xác định được kết quả cụ thể.

- b. Là lao động của người sản xuất hàng hóa xét dưới hình thức hao phí sức lực nói chung của con người, không kể đến hình thức cụ thể của nó như thế nào.
- c. Là lao động của những người sản xuất nói chung.
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng.

**7. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đó là gì?**

- a. Lao động cụ thể và lao động tư nhân.
- b. Lao động giản đơn và lao động phức tạp.
- c. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng.
- d. Lao động quá khứ và lao động sống.

**8. Tác động của nhân tố nào dưới đây làm thay đổi lượng giá trị của một đơn vị sản phẩm?**

- a. Cường độ lao động.
- b. Năng suất lao động.
- c. Cả cường độ lao động và năng suất lao động.
- d. Mức độ nặng nhọc của lao động.

**9. Giá trị cá biệt của hàng hóa do yếu tố nào quyết định?**

- a. Hao phí lao động xã hội cần thiết quyết định.
- b. Hao phí lao động của ngành quyết định.
- c. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định.
- d. Hao phí lao động xã hội cần thiết quyết định.

**10. Năng suất lao động nào ảnh hưởng đến giá trị xã hội của hàng hóa?**

- a. Năng suất lao động cá biệt.
- b. Năng suất lao động xã hội.
- c. Năng suất lao động của những người sản xuất hàng hóa.
- d. Năng suất lao động cá biệt và năng suất lao động xã hội.

**11. Tăng cường độ lao động nghĩa là gì? Chọn phương án sai.**

- a. Lao động khẩn trương hơn.
- b. Lao động nặng nhọc hơn.
- c. Lao động căng thẳng hơn.
- d. Thời gian lao động được phân bổ hợp lý hơn.

**12. Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động giống nhau ở điểm nào?**

- a. Đều làm giá trị đơn vị hàng hóa giảm.

- b. **Đều làm tăng số sản phẩm sản xuất ra trong một thời gian.**
- c. **Đều làm tăng lượng lao động hao phí trong 1 đơn vị thời gian.**
- d. **Cả ba phương án kia đều đúng.**

13. Trong nguồn gốc ra đời của tiền tệ, có mấy hình thái của giá trị?

- a. Có 2 hình thái.
- b. Có 3 hình thái.
- c. **Có 4 hình thái.**
- d. Có 5 hình thái.

14. Bản chất của tiền tệ là gì?

- a. Là thước đo giá trị của hàng hóa.
- b. Là phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán.
- c. **Là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung thống nhất.**
- d. Là vàng, bạc

15. Khi thực hiện chức năng phương tiện lưu thông, tiền dùng để làm gì?

- a. **Tiền là thước đo giá trị của hàng hóa.**
- b. Tiền dùng để trả nợ, nộp thuế.
- c. Tiền là môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa.
- d. Tiền dùng để trả khoảng mua chịu hàng hóa.

### **CHƯƠNG 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

16. **Đâu là công thức chung của tư bản?**

- a.  **$T - H - T'$ .**
- b.  $T - H - T$ .
- c.  $H - T - H'$ .
- d.  $T' - H - T$ .

17. **Lưu thông tư bản nhằm thực hiện mục đích gì?**

- a. **Giá trị và giá trị thặng dư.**
- b. Giá trị sử dụng để thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất ra nó.
- c. Giá cả hàng hóa.
- d. Đổi giá trị sử dụng này lấy giá trị sử dụng khác.

18. **Giá trị thặng dư được tạo ra ở đâu?**

- a. Trong lưu thông.
- b. **Trong sản xuất.**

- c. Vừa trong sản xuất vừa trong lưu thông.
- d. Trong trao đổi.

**19. Trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa yếu tố nào làm tăng thêm giá trị của hàng hóa?**

- a. Tư liệu sản xuất.
- b. Sức lao động.
- c. Tài kinh doanh của thương nhân.
- d. Sự khan hiếm của hàng hóa.

**20. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động có tính chất đặc biệt gì?**

- a. Tạo ra của cải nhằm thỏa mãn nhu cầu con người.
- b. Tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị của sức lao động.
- c. Tạo ra giá trị sử dụng lớn hơn bản thân nó.
- d. Tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho người lao động.

**21. Thực chất giá trị thặng dư là gì?**

- a. Bộ phận giá trị dôi ra ngoài chi phí tư bản.
- b. Phần tiền lời mà chủ tư bản thu được sau quá trình sản xuất.
- c. Một bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.
- d. Toàn bộ giá trị mới do công nhân làm thuê tạo ra.

**22. Tư bản bất biến (c) là gì?**

- a. Là bộ phận tư bản dùng mua tư liệu sản xuất, giá trị của nó được tăng lên sau quá trình sản xuất.
- b. Là bộ phận tư bản dùng mua tư liệu sản xuất, giá trị của nó không thay đổi sau quá trình sản xuất.
- c. Là bộ phận tư bản dùng mua tư liệu sản xuất, giá trị của nó giảm sau quá trình sản xuất.
- d. Là bộ phận tư bản dùng mua tư liệu sản xuất, giá trị sử dụng của nó được bảo tồn và chuyển vào sản phẩm.

**23. Tư bản khả biến (v) là gì?**

- a. Là bộ phận tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất, giá trị của nó được tăng lên sau quá trình sản xuất.
- b. Là bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động, giá trị của nó được tăng lên sau quá trình sản xuất.
- c. Là bộ phận tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất, giá trị của nó giảm đi sau quá trình sản xuất.

d. Là bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động, giá trị của nó không tăng lên sau quá trình sản xuất

**24. Căn cứ vào đâu để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?**

- a. Tốc độ chu chuyển chung của tư bản.
- b. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm.
- c. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư.
- d. Sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất.

**25. Tỷ suất giá trị thặng dư là gì?**

- a. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản ứng trước.
- b. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến.
- c. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản bất biến.
- d. Là tỷ lệ phần trăm giữa giá thặng dư và tư bản lưu động.

**26. Những ý kiến dưới đây về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối, ý kiến nào đúng?**

- a. Ngày lao động không thay đổi.
- b. Thời gian lao động cần thiết và giá trị sức lao động thay đổi.
- c. Thời gian lao động thặng dư thay đổi.
- d. Cả ba phương án kia đều đúng.

**27. Thực chất giá trị thặng dư siêu ngạch là gì?**

- a. Một hình thức biến tướng của lợi nhuận.
- b. Một hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tuyệt đối.
- c. Một hình thức biến tướng của giá trị hàng hóa.
- d. Một hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối

**28. Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào không thuộc tư bản bất biến?**

- a. Máy móc, thiết bị, nhà xưởng.
- b. Kết cấu hạ tầng sản xuất.
- c. Tiền lương, tiền thưởng.
- d. Điện, nước, nguyên liệu.

**29. Bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thái giá trị của những máy móc, thiết bị, nhà xưởng..., tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm, mà chuyển từng phần vào sản phẩm trong quá trình sản xuất là bộ phận tư bản gì?**

- a. Tư bản cố định.
- b. Tư bản lưu động.
- c. Tư bản bất biến.
- d. Tư bản khả biến.

**30. Thực chất của tích lũy tư bản là gì?**

- a. Biến sức lao động thành tư bản.
- b. Biến toàn bộ giá trị mới thành tư bản.
- c. Biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản.
- d. Biến giá trị thặng dư thành tiền đưa vào tích lũy

**31. Nguồn gốc của tích lũy tư bản là từ đâu?**

- a. Từ giá trị thặng dư.
- b. Từ nguồn tiền có sẵn từ trước của nhà tư bản.
- c. Từ toàn bộ tư bản ứng trước.
- d. Từ sự vay mượn lẫn nhau giữa các nhà tư bản.

**32. Tích tụ tư bản là gì?**

- a. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn.
- b. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư trong một xí nghiệp nào đó.
- c. Là tăng quy mô tư bản bằng cách hợp nhất nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn và tư bản hóa một phần giá trị thặng dư.
- d. Tăng quy mô tư bản cá biệt nhưng không làm tăng quy mô tư bản xã hội.

**33. Tập trung tư bản là gì?**

- a. Là tập trung mọi nguồn vốn để tích lũy.
- b. Tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư
- c. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất nhiều tư bản cá biệt có sẵn thành tư bản cá biệt khác lớn hơn.
- d. Là tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn và tư bản hóa một phần giá trị thặng dư.

**34. Hình thức nào không phải biểu hiện giá trị thặng dư?**

- a. Lợi nhuận.
- b. Lợi tức.
- c. Địa tô.
- d. Tiền lương.

**35. Nguyên nhân hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân?**

- a. Do cạnh tranh giữa các ngành sản xuất trong xã hội.
- b. Do cạnh tranh trong nội bộ một ngành sản xuất.
- c. Do cạnh tranh giữa những người sản xuất nhỏ.
- d. Cả 3 phương án kia đều đúng

**36. Giá cả sản xuất được xác định theo công thức nào?**

- a.  $c + v + m$ .
- b.  $c + v$ .
- c.  $k + p$ .
- d.  $k + p$ .

**37. Bản chất của lợi tức cho vay trong chủ nghĩa tư bản là gì?**

- a. Là số tiền lời do đi vay với lợi tức thấp, cho vay thu lợi tức cao mà có.
- b. Là một phần của giá trị thặng dư mà người đi vay đã thu được thông qua sử dụng tiền vay đó đem trả cho người cho vay.
- c. Là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do nhân viên làm thuê trong doanh nghiệp tư bản cho vay tạo ra.
- d. Là phần lợi nhuận của nhà tư bản đi vay kiếm được do vay tiền để kinh doanh.

**38. Địa tô tư bản chủ nghĩa phản ánh mối quan hệ nào sau đây?**

- a. Địa chủ và công nhân nông nghiệp.
- b. Địa chủ, nhà tư bản đầu tư và công nhân nông nghiệp.
- c. Giữa các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp với nhau.
- d. Giữa nhà tư bản và công nhân nông nghiệp.

**39. Địa tô chênh lệch I là gì?**

- a. Là địa tô thu được trên đất do hiệu quả đầu tư tư bản đem lại.
- b. Là địa tô thu được trên ruộng đất tốt và có điều kiện tự nhiên thuận lợi đem lại.
- c. Là địa tô thu được trên đất do thâm canh tăng năng suất mà có
- d. Là địa tô thu được trên đất do ứng dụng khoa học kỹ thuật mang lại.

**40. Địa tô chênh lệch II là gì?**

- a. Địa tô thu được trên đất có điều kiện tự nhiên thuận lợi đem lại.
- b. Địa tô thu được trên đất do thâm canh tăng năng suất mà có.
- c. Địa tô thu được trên đất do vị trí đất gần nơi tiêu thụ mà có.
- d. Địa tô thu được trên đất có điều kiện giao thông mang lại.



## **CHƯƠNG 4 CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

### **41. CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG?**

- a. Thế kỷ XVI – XVII.
- b. Thế kỷ XVIII – XIX.
- c. Cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.
- d. Giữa thế kỷ XX.

### **42. Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở chủ yếu trực tiếp nào?**

- a. Sản xuất nhỏ phân tán.
- b. Tích tụ, tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn.
- c. Sự xuất hiện các thành tựu mới của khoa học.
- d. Sự hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

### **Câu 43. Khẳng định nào dưới đây là đúng?**

- a. Lợi nhuận độc quyền cao hơn lợi nhuận bình quân
- b. Lợi nhuận độc quyền thấp hơn lợi nhuận bình quân
- c. Lợi nhuận độc quyền là mục tiêu theo đuổi của nhà nước tư sản
- d. Lợi nhuận độc quyền góp phần bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận bình quân

### **44. Tư bản tài chính là gì?**

- a. Là kết quả của sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng của một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất, với tư bản của những liên minh độc quyền các nhà công nghiệp.
- b. Là tư bản do sự liên kết về tài chính giữa các nhà tư bản hợp thành.
- c. Là những tư bản đầu tư trong lĩnh vực tài chính.
- d. Là kết quả hợp nhất giữa tư bản sản xuất và tư bản ngân hàng.

### **Câu 45. Sự ra đời của Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích gì?**

- a. Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân và tiếp tục duy trì, phát triển chủ nghĩa tư bản
- b. Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân.
- c. Phục vụ lợi ích của nhà nước tư sản.
- d. Phục vụ lợi ích của chủ nghĩa tư bản.

## **CHƯƠNG 5 KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

**46. Quan niệm nào không đúng về kinh tế thị trường?**

- a. Kinh tế thị trường là sản phẩm của Chủ nghĩa tư bản
- b. Không có nền kinh tế thị trường chung cho mọi quốc gia
- c. Kinh tế thị trường là hình thức phát triển cao của nền kinh tế hàng hóa
- d. Kinh tế thị trường là kết quả phát triển lâu dài của lực lượng sản xuất và xã hội hóa các quan hệ kinh tế

**47. Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường thực chất là hướng tới điều gì?**

- a. Hệ giá trị toàn diện gồm cả dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh
- b. Duy trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng cộng sản
- c. Thành phần kinh tế Nhà nước luôn giữ vai trò then chốt, chủ đạo
- d. Xóa bỏ toàn bộ đặc điểm của nền sản xuất hàng hóa

**48. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để đạt được hệ giá trị toàn diện gồm cả dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh thì cần yếu tố nào?**

- a. Trong xã hội không còn mâu thuẫn giữa các tầng lớp dân cư.
- b. Sự hợp tác và hỗ trợ từ các nước trong hệ thống Chủ nghĩa xã hội.
- c. Vai trò điều tiết của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản
- d. Ngân sách Nhà Nước phải đủ mạnh để thực hiện các chính sách phúc lợi.

**49. Khẳng định nào dưới đây về kinh tế thị trường là đúng?**

- a. Kinh tế thị trường là nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản.
- b. Kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao.
- c. Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà mọi quốc gia buộc phải tuân theo.
- d. Kinh tế thị trường phản ánh sự phát triển bền vững của xã hội.

**50. Một trong những mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là gì?**

- a. Nhằm có lợi thế khi tham gia Mậu dịch quốc tế
- b. Gia tăng tầm ảnh hưởng của nền kinh tế Việt Nam đối với quốc tế
- c. Phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội

d. Nhằm tạo sức hút trên lãnh thổ để thu hút đầu tư nước ngoài

**51. Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò gì trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta?**

- a. Giữ vai trò chủ đạo
- b. Giữ vai trò quan trọng
- c. Giữ vai trò xúc tác
- d. Giữ vai trò thống trị

**52. Thành phần kinh tế tư nhân giữ vai trò gì trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta?**

- a. Là yếu tố chủ đạo
- b. Là yếu tố nòng cốt
- c. Là yếu tố quyết định
- d. Là một động lực quan trọng

**53. Vấn đề nào được xem là nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?**

- a. Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.
- b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế.
- c. Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.
- d. Các phương án kia đều đúng.

**54. Vấn đề nào đóng vai trò quyết định thúc đẩy hoạt động của mỗi cá nhân, tổ chức cũng như xã hội trong nền kinh tế thị trường?**

- a. Lợi ích kinh tế
- b. Lợi ích văn hóa
- c. Lợi ích chính trị
- d. Lợi ích xã hội

**55. Muốn tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế đòi hỏi nhà nước trước hết phải làm gì?**

- a. Giữ vững ổn định về chính trị
- b. Đảm bảo được đầy đủ các yếu tố đầu vào
- c. Hệ thống pháp luật nghiêm minh
- d. Mở rộng quan hệ đối ngoại

## **CHƯƠNG 6 CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

**56. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giai đoạn nào?**

- a. Giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX
- b. Đầu thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX
- c. Đầu thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XIX
- d. Giữa thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII

**57. Nghiên cứu về cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, C.Mác đã khái quát tính quy luật của cách mạng công nghiệp như thế nào?**

- a. Qua ba giai đoạn sản xuất giản đơn, cơ khí và tự động hóa
- b. Qua ba giai đoạn cơ khí, công trường thủ công và đại công nghiệp
- c. Qua ba giai đoạn hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp
- d. Qua ba giai đoạn giản đơn, công trường thủ công và tự động hóa

**58. Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần ba là gì?**

- a. Sử dụng công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất
- b. Cơ khí hóa sản xuất và bước đầu sử dụng công nghệ thông tin
- c. Sử dụng công nghệ thông tin và kết nối vạn vật bằng internet
- d. Sử dụng công nghệ thông tin và đột phá về trí tuệ nhân tạo

**59. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có đặc trưng gì?**

- a. Xuất hiện các công nghệ mới có tính đột phá về chất như trí tuệ nhân tạo
- b. Liên kết giữa thế giới thực và ảo
- c. Xuất hiện các công nghệ mới như big data, in 3D
- d. Các phương án kia đều đúng

**60. Cuộc cách mạng công nghiệp có vai trò gì đối với sự phát triển ở nước ta?**

- a. Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển
- b. Phát huy được các lợi thế truyền thống đang sẵn có
- c. Tạo ra nhiều việc làm giảm được tỷ trọng thất nghiệp cơ cấu lao động
- d. Các phương án kia đều đúng

**61. Việc tiếp thu và phát triển khoa học, công nghệ mới, hiện đại của các nước kém phát triển có thể thực hiện bằng các con đường cơ bản nào?**

- a. Thông qua đầu tư nghiên cứu, chế tạo và hoàn thiện dần dần trình độ công nghệ từ trình độ thấp đến trình độ cao.
- b. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước phát triển hơn.

- c. Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ nhiều tầng, kết hợp cả công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại.
- d. Các phương án kia đều đúng.

**62. Tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hiện đại của một nền kinh tế dựa vào yếu tố nào?**

- a. Trình độ văn hóa của dân cư
- b. Mức thu nhập bình quân đầu người
- c. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội
- d. Những phát minh khoa học có được

**63. Đảng và Nhà nước ta xác định nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ nào?**

- a. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- b. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần
- c. Phát triển nông lâm ngư nghiệp
- d. Cải cách về giáo dục, nâng cao dân trí

**64. Trong nền kinh tế tri thức, tri thức đóng vai trò gì?**

- a. Tri thức là nền tảng trong công tác giáo dục.
- b. Tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- c. Tri thức được xem là công cụ lao động chính.
- d. Tri thức là nội dung chính trong phát triển, nâng cao dân trí.

**65. Trong nền kinh tế tri thức, yếu tố nào trở thành tài nguyên quan trọng nhất?**

- a. Thông tin.
- b. Tài nguyên khoáng sản.
- c. Nguồn nhân lực.
- d. Giáo dục